

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 13/2017/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà **HÀ THỊ N** - sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn D, thị trấn T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Ông **LUÂN TRUNG T** - sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn D, thị trấn T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 21 tháng 6 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà **HÀ THỊ N** - sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn D, thị trấn T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Ông **LUÂN TRUNG T** - sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn D, thị trấn T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà Hà Thị N và ông Luân Trung T đều xác định vợ chồng có 4 con chung là: Luân Thị V -sinh năm 1980, Luân Thị T -sinh năm 1982, Luân Văn Đ- sinh năm 1984 và Luân Văn N -sinh năm 1985; Hiện nay các con đã trưởng thành, có

việc làm ổn định, không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự và đã có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Hà Thị N và ông Luân Trung T đều yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Luân Trung T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật là **150.000đ** (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn lại cho bà Hà Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là **300.000đ** (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2010/0001978 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quy định: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện K;
- THA- DS huyện K;
- UBND xã Đ, H.QH, Cao Bằng;
- Lưu HS+AV.

Nguyễn Ngọc Danh